

DANH XƯNG VÀ DIÊN CÁCH TỈNH ĐỒNG NAI

VÕ VĂN SEN*

Đồng Nai là vùng đất địa linh nhân kiệt. Qua quá trình biến thiên của lịch sử, vùng đất Đồng Nai có nhiều thay đổi về danh xưng, tên gọi. Là vùng đất “khổng chế nơi xưng yếu” “Núi sông hiểm trở... sản vật đầy rẫy, xe thuyền tấp nập... nhà cửa như bát úp, sản vật phương Bắc phương Nam không thứ gì không có, đó đều là những nơi đô hội” (1). Vùng đất Đồng Nai có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa, đồng hành cùng với quá trình phát triển của lịch sử dân tộc. Chặng đường hơn 300 năm (1698-2025) hình thành và phát triển của tỉnh Đồng Nai luôn gắn liền với cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước vẻ vang của dân tộc ta. Trong bài viết này chúng tôi nêu lên một số ý kiến về sự thay đổi diên cách hành chính, xác định danh xưng và ngày thành lập tỉnh Đồng Nai, hi vọng sẽ góp thêm những ý kiến, góp phần xác định ngày truyền thống tỉnh Đồng Nai. Đồng thời góp phần giáo dục lòng yêu quê hương đất nước, phát huy truyền thống anh hùng cách mạng, lòng tự hào dân tộc cho thế hệ trẻ, cán bộ, quân và dân trong tỉnh.

1. Một vài ý kiến về việc xác định danh xưng và ngày thành lập tỉnh Đồng Nai

Bất kỳ một quốc gia nào trong lịch sử chế độ phong kiến trước đây và cho đến hiện nay, việc phân chia các đơn vị hành chính và tên gọi của nó qua các thời kỳ đều

rất quan trọng. Tổ chức phân chia các đơn vị hành chính cùng với danh xưng không phải là bất biến mà luôn có sự thay đổi in dấu ấn thời đại và phù hợp với từng thời kỳ lịch sử, là một trong những yếu tố đảm bảo tính kế thừa và phát triển bền vững.

Việc xác định danh xưng và ngày truyền thống của các tỉnh hay các huyện đã được tiến hành nghiên cứu trong suốt mấy chục năm qua ở cả Trung ương và các địa phương trên cả nước, đặc biệt nổi lên vai trò hàng đầu của Viện Sử học (2), Viện Lịch sử Đảng, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam. Đôi khi có những tỉnh, hay những huyện việc ghi chép của sử liệu, được các sử gia ghi chép rất rõ ràng trong chính sử nên việc xác định được danh xưng và ngày truyền thống của huyện hay tỉnh đó khá thuận lợi và ngược lại có những huyện, những tỉnh việc xác định thời điểm thành lập gặp không ít khó khăn do không rõ ràng, hoặc thiếu nguồn sử liệu, tư liệu chắc chắn để xác định.

Trong những năm gần đây có rất nhiều tỉnh ở miền Bắc và Bắc Trung Bộ lấy sự kiện năm Tân Mão, năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), tháng 10 (Âm lịch), khi vua Minh Mệnh tiến hành cải cách hành chính đã cho “Chia định địa hạt các tỉnh” (trước đó là các trấn) từ Quảng Bình, Quảng Trị trở ra Bắc Kỳ là năm thành lập tỉnh. Đây là mốc được khá nhiều tỉnh chọn lựa thời

*GS.TS. Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Tp.Hồ Chí Minh

điểm thành lập tỉnh, như: Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hà Tĩnh, Hưng Yên... Cũng như các tỉnh miền Bắc, nhiều tỉnh ở miền Nam và Nam Trung Bộ lấy sự kiện năm Nhâm Thìn, Minh Mệnh thứ 13 (1832), tháng 10 (Âm lịch), khi nhà Nguyễn tiếp tục tiến hành cải cách hành chính từ Quảng Nam đến Hà Tiên, làm năm kỷ niệm thành lập tỉnh...

Một số tỉnh được tách ra thành lập sau này lại lấy thời điểm thành lập muộn hơn là năm danh xưng thành lập tỉnh, như: Sơn La, Thái Bình, Hà Giang, Bắc Giang, Yên Bái, Phú Thọ, Hòa Bình, Lào Cai... và một số tỉnh khác phía Nam.

Trong số các tỉnh có danh xưng thành lập lâu đời, đặc biệt phải kể đến những tỉnh từng là Cố đô, Kinh đô, Thủ đô xưa, như: Cố đô Hoa Lư có hơn 1.050 năm 968-2018 (đã được tỉnh Ninh Bình tổ chức hội thảo, kỷ niệm năm 2018); Ngoài ra, Thăng Long - nay là Thủ đô Hà Nội cũng có hơn ngàn năm văn hiến Thăng Long - Hà Nội (từ năm 1010-2025), nay đã 1.015 năm, kể từ khi vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư - Ninh Bình ra Thăng Long. Một số trường hợp đặc biệt khác như 550 năm *danh xưng Quảng Nam* (1471-2021), kể từ sự kiện vua Lê Thánh Tông thân chinh đi đánh Chiêm Thành lập ra Thừa tuyên Quảng Nam năm Tân Mão, Hồng Đức thứ 2 (1471); Đồng Nai, Sài Gòn - Gia Định hơn 300 năm kể từ sự kiện năm 1698...

Không ít trường hợp việc xác định danh xưng, ngày truyền thống, thời điểm thành lập tỉnh, huyện không được dễ dàng, đôi khi việc ghi chép trong các bộ sử của các triều đại phong kiến, đến những công trình của các sử gia tư nhân, lại không thống nhất. Khi lịch sử đã lùi xa, lại càng khó có thể tìm được một nguồn sử liệu nào thực sự

thuyết phục, thống nhất, chính xác thời điểm thành lập tỉnh, hay huyện ấy. Như trường hợp xác định danh xưng tỉnh Thanh Hóa và tỉnh Nghệ An có tới mấy mốc thời gian được ghi chép khác nhau.

Tỉnh Nghệ An, tỉnh Thanh Hóa có những điểm tương đồng về thời điểm thành lập ghi chép trong chính sử có nhiều mốc khác nhau. Tỉnh Thanh Hóa nhiều lần tổ chức hội thảo (3), và tới lần thứ ba, đa số các ý kiến nhất trí chọn năm 1029 là năm *danh xưng Thanh Hóa*...

Tương tự như tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Nghệ An cũng hai lần tổ chức hội thảo để xác định *danh xưng Nghệ An* (4). Việc ghi chép khác nhau, không thống nhất, dẫn đến có nhiều mốc khác nhau, nhưng các ý kiến thường chọn một mốc sớm nhất và có tư liệu tương đối có thể đưa ra kết luận về danh xưng, ngày truyền thống tỉnh hay huyện đó.

Danh xưng, ngày truyền thống tỉnh Đồng Nai có từ bao giờ, ngày tháng năm nào? Đó là câu hỏi đặt ra cho các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, nhà quản lý và cả những nhà lãnh đạo của tỉnh Đồng Nai, để chọn một thời điểm phù hợp với truyền thống và thực tế lịch sử của tỉnh sau Hội thảo khoa học: *Xác định Ngày truyền thống tỉnh Đồng Nai* do Tỉnh ủy Đồng Nai tổ chức ngày 25-06-2024.

Việc chọn danh xưng, ngày truyền thống chính xác với thời điểm tỉnh ấy ra đời, ngoài việc xác định ngày kỷ niệm, ngày truyền thống của quê hương còn nhằm ôn lại truyền thống lịch sử, giáo dục lòng tự hào, lòng yêu quê hương đất nước, phát huy truyền thống anh hùng cách mạng... trong truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc nói chung và nhân dân Đồng Nai nói riêng.

2. Danh xưng và ngày thành lập tỉnh Đồng Nai có từ năm nào?

Vùng đất Đồng Nai cũng được sử chép khá nhiều trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Tỉnh Đồng Nai - Biên Hòa xưa “có lẽ là nước Bà Rịa xưa, sau là đất Bà Rịa và Đồng Nai (sách *Đường thư* chép: nước Bà Rịa ở phía Đông Nam nước Chiêm Thành, phía Nam có nước Thù Nại, sau đời Vĩnh Huy (niên hiệu của Đường Cao Tông (650 - 655) bị nước Chân Lạp kiêm tính. Sách *Gia Định thông chí* chép: Bà Rịa ngờ là nước Bà Rịa xưa, còn Thù Nại, âm gần giống Đồng Nai, có lẽ là đất Sài Gòn bây giờ). Năm Kỷ Mùi (1679), Thái Tông thứ 32, bọn trấn thủ các châu Cao Lôi Liêm nước Minh cũ xin phụ thuộc, lấy đất Giản Phố (Nhiều sách chép nhầm là Đông Phố, vì chữ giản và chữ đông gần giống nhau) cho họ ở. Bọn họ mở đất, lập phố, đất ấy ngày một đông đúc, có phong tục như Trung Hoa (5).

Trước thế kỷ XVII, nhiều tộc người thiểu số đã cư trú ở Nam Bộ, như Xtiêng, Mạ, Coho, M'ông, trong đó nhiều nhất là người Mạ và Xtiêng. Người Mạ còn gọi là nhóm người Sơ Ma, có một tiểu quốc riêng: “xưa họ đã là một nước nhỏ chiếm ở miền rừng núi ở giữa Bình Thuận là đất Chăm Pa và Biên Hòa là đất Chân Lạp” (6). Quan điểm này cũng được sự ủng hộ của Giáo sư Trần Quốc Vượng (7). Các tộc người này đã sinh sống từ lâu đời trên đất Đồng Nai, nhưng đến thế kỷ XVI thì dân số các tộc người này vẫn thưa thớt và trình độ sản xuất thấp kém.

Vào thế kỷ XVII, người Việt di cư từ Đàng Trong đi về phương Nam khai khẩn đất hoang. Họ tìm những vùng đất hoang để khai phá, lập thành những thôn ấp, chung sống với người Khmer, như Trịnh Hoài Đức nhận xét: “dân lưu tán của nước cùng ở lẫn với người Cao Miên để khai khẩn ruộng đất” (8). Những nhóm di dân

đầu tiên đặt chân ở Mô Xoài (Bà Rịa - Vũng Tàu), rồi từ đó tiến lên Đồng Nai, những nhóm khác lần theo các sông rạch, mở rộng dần địa bàn khai phá. Họ trở thành một động lực mới của sự phát triển kinh tế - xã hội vùng đất Nam Bộ. Từ giữa thế kỷ XVII, ở Trung Quốc, nhà Minh (1368-1644) sụp đổ, nhà Thanh (1644-1911) thay thế và một bộ phận người Hoa di cư ra nước ngoài sinh cơ lập nghiệp. Vào nửa sau thế kỷ XVII, người Hoa cũng tham gia vào công cuộc mở mang khai phá một số vùng trên đất Nam Bộ.

Theo sử chép năm Kỷ Mùi (1679), mùa Xuân, tháng Giêng, tướng cũ nhà Minh là Long Môn tổng binh Dương Ngạn Địch và Phó tướng Hoàng Tiến, Cao Lôi Liêm, Tổng binh Trần Thượng Xuyên và Phó tướng Trần An Bình đem hơn 3.000 quân và hơn 50 chiến thuyền đến các cửa biển Tư Dung nhờ sự giúp đỡ của chúa Nguyễn, và đã được chúa Nguyễn cho vào vùng đất xứ Đồng Nai để khai phá, phát triển sản xuất. Khi đến Đồng Nai, “Họ vỡ đất hoang, dựng phố xá, thuyền buôn của người Thanh và các nước Tây Dương, Nhật Bản, Chà Và đi lại tấp nập, do đó mà phong hóa Hán thấm dần vào đất Đông Phố” (9), “có phong tục như Trung Hoa” (10). Cù Lao Phố được xây dựng bước đầu vào thế kỷ XVII, là một điểm tụ cư quan trọng của xứ Đồng Nai.

Như vậy, tiếp nối công cuộc khai phá từ thời tiền sử, qua các lớp cư dân Phù Nam, các lớp cư dân cổ như người Mạ, Xtiêng, Chơ Ro, rồi người Khmer, Chăm... từ thế kỷ XVII, người Việt và một bộ phận người Hoa đã đẩy mạnh công cuộc khai phá, làm biến đổi nhanh chóng và mạnh mẽ diện mạo vùng đất Nam Bộ.

Người Việt là những người khai phá đất đai chủ yếu để sản xuất nông nghiệp. Nhưng trong cộng đồng những người Việt

khai phá Nam Bộ đầu tiên cũng đa dạng về nguồn gốc và thành phần. Trong khi phân tích tên của các làng xã thì: “Một điều đáng chú ý nữa là không thấy có sự liên kết giữa tên làng quê hương của những người lập ấp với tên làng quê hương mới. Hiện tượng đó cho phép giả định rằng nhóm người lập ấp không phải cùng đồng hương với nhau và làng cũ ở miền Trung, miền đồng bằng sông Hồng, nếu có, không có vai trò trong việc lập thôn ấp mới ở đồng bằng Đồng Nai, Cửu Long” (11). Sở dĩ đi đến kết luận này, vì có ba cách đặt tên Nôm các thôn, ấp Nam Bộ: *cách thứ nhất* là từ việc quan sát mà đặt tên theo đặc điểm tồn tại của địa bàn thôn xã, ví dụ như núi Ba Ba vì thế núi giống con ba ba, Vườn Trầu vì có nhiều cây trầu, chùa Cây Mai...; *cách thứ hai* là dùng tên những vị tiên hiền, hậu hiền mà gọi địa danh, ví dụ như rạch Bà Nghè, rạch Ông Cỏi, giồng Ông Mần...; *cách thứ ba* là gọi theo tên vốn có từ trước của địa phương, chẳng hạn như Bà Rịa... Điều này phản ánh nguồn gốc đa dạng của người Việt khi khai phá vùng đất Mô Xoài.

Bên cạnh người Việt, có cả người Khmer tham gia khai phá đất đai (12), họ sống đan xen cùng người Việt, hoặc là di chuyển đi chỗ khác khi lưu dân người Việt đến đây. Trịnh Hoài Đức trong *Gia Định thành thông chí* viết: “Lúc ấy, địa đầu của Gia Định là Mô Xoài và Đồng Nai (nay là trấn Biên Hòa) tại hai xứ ấy đã có dân của nước ta đến cùng với dân Cao Miên khai khẩn ruộng đất. Người Cao Miên rất khâm phục uy đức của triều đình, họ đem nhượng đất ấy rồi kéo nhau tránh đi nơi khác” (13).

Viết về vùng đất Đồng Nai, sử gia Lê Quý Đôn trong sách *Phủ biên tạp lục* đã mô tả là tên gọi của cả vùng đất Nam Bộ rộng lớn: “Phủ Gia Định, đất Đồng Nai, từ các cửa biển Cần Giuộc, Soài Lấp, cửa Đại, cửa

Tiểu, toàn là rừng rậm hàng mấy nghìn dặm, họ Nguyễn... chiêu mộ những dân có vật lực ở xứ Quảng Nam các phủ Điện Bàn, Quảng Ngãi, Quy Nhơn cho dời tới ở đây, phát chặt mở mang, hết thấy thành bằng phẳng, đất nước màu mỡ, cho dân tự chiếm, trồng cau và làm nhà cửa... Đất ấy nhiều ngòi lạch, đường nước như mắc cửi... hết thấy là đồng ruộng, nhìn bát ngát, ruộng phẳng như thế đấy, rất hợp trồng lúa, lúa nếp tẻ, gạo đều trắng dẻo” (14).

Cùng với Mô Xoài, Đồng Nai là khu vực được người Việt đến khai thác từ rất sớm. Trong thế kỷ XVII, người Việt xuống Đồng Nai theo các con đường từ cửa biển Cần Giuộc ngược lên vùng ngã ba Nhà Bè rồi vào sông Đồng Nai, từ Mô Xoài dọc theo lưu vực sông Mô Xoài đi sang và từ dinh Bình Thuận đi thuyền xuống Đồng Nai (tuy không thuận lợi như hai con đường trên).

Trong *Gia Định thành thông chí* viết: “Đồng Nai là tên duy nhất của trấn Biên Hòa, mà chợ Đồng Nai lại ở phía Nam hạ lưu sông Phước Giang cách trấn độ 8 dặm ngoài. *Do ban đầu là cánh đồng cho nai hươu ở, cho nên mới gọi là Đồng Nai*, tên chữ là Lộc Dã, còn gọi là Lộc Động (...). Còn như Gia Định mà gọi là Đồng Nai tất nhiên cũng có cơ sở. Nguyên Gia Định khi bắt đầu khai thác thì từ chỗ Đồng Nai trước cho nên người dời trước có ý như dùng cái gốc để tóm cái ngọn, lấy chỗ đầu để kéo được cả đuôi, bèn gọi chung là Đồng Nai” (15). Trịnh Hoài Đức còn cho biết sách của Trung Quốc chép Đồng Nai là Nông Nại: “Nhưng theo cư dân ở đây thường nói thì chỉ gọi đất Biên Hòa là Đồng Nai, Bà Rịa; đất Phiên An là Bến Nghé, Sài Gòn; đất Định Tường là Vũng Gù, Mỹ Tho; đất Vĩnh Thanh là Long Hồ, Sa Đéc; đất Hà Tiên là Cà Mau, Rạch Giá” (16). Như vậy, vào thế kỷ XVII, XVIII, Đồng Nai phải hiểu cả hai ý nghĩa: *Nghĩa thứ nhất*, chỉ toàn bộ vùng

Gia Định, Nam Bộ ngày nay, như câu ca dao xưa vẫn nhắc:

“Làm trai cho đáng nên trai/Phú Xuân đã trải, Đồng Nai đã từng” (17).

Đồng Nai trong trường hợp này là cả vùng Nam Bộ trù phú. *Nghĩa thứ hai*, để chỉ một khu vực nằm ở phía Bắc trung tâm Gia Định, bên cạnh xứ Mô Xoài - Bà Rịa, phía Bắc của khu vực Đồng Nai giáp với dinh Bình Thuận và trấn Thuận Thành, phía Tây giáp với Chân Lạp. Vùng Đồng Nai theo nghĩa hẹp đến thời kỳ đầu vua Gia Long là trấn Biên Hòa, sau cải cách hành chính của vua Minh Mệnh trở thành tỉnh Biên Hòa, tất nhiên các địa danh hành chính này bao gồm cả Mô Xoài - Bà Rịa (18).

Trước khi Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý xứ Đồng Nai, theo sách *Đại Nam liệt truyện* viết: “Hiển Tông hoàng đế, năm Nhâm Thân (1692), Chiêm thành quốc vương là Bà Tranh làm phản, lấn cướp Diên Ninh. Chúa cho Hữu Kính làm thống binh cùng với tham mưu Nguyễn Đình Quang đem quân tiến đánh phá được quân Chiêm, bắt Bà Tranh đem về, đổi tên nước ấy gọi là trấn Thuận Thành. Bấy giờ người Bà Tranh là A Ba, dụ dỗ đám quân chúng còn sót của Thuận Thành làm loạn. Hữu Kính lại dẹp yên, được thăng chưởng cơ, lĩnh Bình Khang doanh trấn thủ” (19).

Tháng 2, năm Mậu Dần (1698), chúa Nguyễn Phúc Chu sai Lễ Thành hầu, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược vùng đất Đồng Nai. Tại đây, ông tiến hành “Chia đất Đông Phố, lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long (nay thăng làm phủ) dựng dinh Trấn Biên (tức Biên Hoà ngày nay), lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình (nay thăng làm phủ), dựng dinh Phiên Trấn (tức dinh Gia Định ngày nay), mỗi dinh đều đặt các chức lưu thủ cai bạ,

ký lục và các cơ đội thuyền thủy bộ tinh binh và thuộc binh. Mở rộng đất đai được nghìn dặm, được hơn 4 vạn hộ, bèn chiêu mộ những người dân xiêu dạt từ Bố Chính trở về Nam cho đến ở cho đông. Thiết lập xã thôn, phường ấp, chia cắt giới phận, khai khẩn ruộng nương, định lệ thuế tô dung, làm sổ đinh điền. Lại lấy người Thanh đến buôn bán ở Trấn Biên lập làm xã Thanh Hà, ở Phiên Trấn lập làm xã Minh Hương. Từ đó người Thanh ở buôn bán đều thành dân hộ (của ta)” (20).

Về sự kiện này sách *Đại Nam nhất thống chí*, Quyển 27: tỉnh Biên Hòa do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn viết: “Năm Mậu Dần thứ 8 (1698), đời Hiển Tông sai Chưởng cơ Nguyễn Hữu Kính (21) lấy xứ Lộc Dã (tức Đồng Nai, người Thanh gọi là Nông Nại) đặt làm huyện Phúc Long, đặt dinh Trấn Biên (hồi đầu bản triều những đất ở biên giới gọi là “trấn”, Trấn Biên thuộc tỉnh Gia Định), chiêu mộ dân xiêu tán từ Quảng Bình trở vào cho đến ở, chia đặt thôn ấp; người Thanh trú ngụ cũng biên tên vào sổ hộ” (22). Đó là những đơn vị hành chính đầu tiên của chính quyền chúa Nguyễn thiết lập trên đất Nam Bộ gắn liền với công cuộc khai phá và xác lập chủ quyền.

Theo ý kiến của Thái Văn Kiểm trong cuốn *Đất việt trời nam* viết: “năm 1698, tức là năm mà chúa Nguyễn gửi Nguyễn Hữu Kính tức Cảnh, vào làm Kinh lược xứ Đồng Nai, có thể xem như là năm chính thức mà người Việt thiết lập cơ sở hành chính, chính trị tại miền Nam; mặc dầu từ năm 1623 đã có những người Việt di dân lẻ tẻ vào Mô Xoài (Bà Rịa) sau khi công chúa Ngọc Vạn được chúa Sãi Vương gả cho vua Chân Lạp Chei Chetta II... danh từ Nông Nại có lẽ xưa hơn danh từ Đồng Nai. Rất có thể Nông Nại là một danh từ Chân Lạp, được

Việt âm hóa thành Đồng Nai, mặc dầu có người ước đoán rằng chữ Nông Nại có lẽ do người Trung hoa đọc sai hai chữ Đồng Nai mà ra” (23).

Một điều dễ nhận thấy là đến trước năm 1698, dân số ở vùng Đồng Nai - Gia Định đã lên đến trên 4 vạn hộ. Trước số dân đông như thế, không thể để họ sống bơ vơ, không có tổ chức, mà cần phải sắp xếp lại cho có trật tự, kỷ cương, được triều đình che chở, nên năm Mậu Dần (1698), chúa Nguyễn sai Chuông cơ Trấn thủ dinh Bình Khang là Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý miền Nam, lập ra phủ Gia Định, chia đất Đông Phố, lấy xứ Đồng Nai lập huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên, lấy xứ Sài Gòn lập huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn.

Như vậy, Nguyễn Hữu Cảnh là người vào kinh lược vùng đất Đồng Nai, xác lập quyền quản lý về mặt nhà nước đối với các xứ Đồng Nai (huyện Phước Long) - Sài Gòn (huyện Tân Bình), sáp nhập hẳn vào lãnh thổ Đàng Trong, tổ chức các đơn vị hành chính và bộ máy chính quyền từ cấp dinh trấn cho đến tận các thôn xã, thực thi quyền lực nhà nước trong việc quản lý đất đai, hộ khẩu, trưng thu các nguồn lợi tự nhiên và thu thuế qua việc trao đổi với thương nhân nước ngoài. Đến đây, Sài Gòn - Gia Định đã trở thành trung tâm hành chính - chính trị và từng bước hình thành một trung tâm kinh tế và văn hóa của vùng đất mới. Sự kiện năm 1698 là cột mốc quan trọng nhất trong toàn bộ quá trình xác lập và thực thi chủ quyền của chúa Nguyễn đối với vùng đất Nam Bộ.

Sau đó, các hoạt động kinh dinh và xác lập quyền quản lý đối với các vùng đất ở khu vực miền Đông Nam Bộ đã có những tác động mạnh mẽ đến các thế lực kiểm soát khu vực đồng bằng sông Cửu Long bao

gồm các chính quyền địa phương của Chân Lạp và thế lực họ Mạc. Trước sự phát triển nhanh chóng của khu vực Gia Định dưới quyền quản lý của chính quyền chúa Nguyễn, Mạc Cửu càng ngày càng nhận thấy không thể không dựa vào chính quyền chúa Nguyễn nếu muốn tiếp tục củng cố và mở rộng thế lực trên vùng đất này, nên đã đem toàn bộ vùng đất đang cai quản lệ thuộc vào lãnh thổ Đàng Trong.

Theo sách *Đại Nam thực lục* của Quốc sử quán triều Nguyễn thì Mạc Cửu sợ vương triều Chân Lạp sụp đổ nên đã đem vùng đất dưới sự ảnh hưởng của mình về với lãnh thổ Đàng Trong và được chúa Nguyễn Phúc Chu phong làm Tổng trấn Hà Tiên vào năm 1708: “Đến đây Cửu ủy cho người bộ thuộc là Trương Cầu và Lý Xã dâng thư xin làm Hà Tiên trưởng. Chúa nhận cho, trao cho chức Tổng binh. Cửu xây dựng dinh ngũ, đóng ở Phương Thành, nhân dân ngày càng đến đông” (24).

Như vậy, vào năm 1698 địa danh Đồng Nai đã được xác lập, đây là mốc đánh dấu tên gọi, danh xưng, ngày truyền thống tỉnh Đồng Nai bắt đầu có từ tháng 2 năm 1698. Tuy nhiên, chính sử không chép cụ thể “Ngày” nào chúa Nguyễn Phúc Chu sai Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh đi kinh lược vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai; “Ngày” nào Ông đến đặt điểm đồn trú tại Cù Lao Phố hoặc “Ngày” ghi lại các hoạt động cụ thể trong tháng 2 năm Mậu Dần (1698) ở vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai.

3. Một vài nhận xét

Quá trình thiết lập bộ máy quản lý của nhà nước mà sự kiện nổi bật bắt đầu từ cuộc kinh lý của Nguyễn Hữu Cảnh năm 1698. Nếu người Chân Lạp sáp nhập vương quốc Phù Nam bằng cuộc chiến tranh xâm lược nhưng sau đó đã không thực hiện được sự kiểm soát trên toàn bộ lãnh thổ Phù

Nam, thì người Việt đã thực hiện công cuộc khai phá và xác lập chủ quyền đối với vùng đất Nam Bộ trong điều kiện sự kiểm soát của Chân Lạp lỏng lẻo trên một vùng đất hết sức hoang vu và về cơ bản đã nhận được sự tạo điều kiện và đồng thuận của Chân Lạp. Sự thiết lập bộ máy quản lý của người Việt trở thành dấu ấn mạnh mẽ nhất của công cuộc khai thác vùng đất Nam Bộ kể từ sau ngày sụp đổ của vương quốc Phù Nam. Từ cuộc kinh lý của Nguyễn Hữu Cảnh năm 1698, hơn nửa thế kỷ sau, vào năm 1757, về cơ bản vùng đất Nam Bộ đã được người Việt tổ chức hệ thống hành chính và bộ máy quản lý như một bộ phận của quốc gia Đại Việt bấy giờ là chính quyền chúa Nguyễn Đàng Trong.

Tên gọi Đồng Nai có từ trước khi cuộc cải cách hành chính ở Gia Định năm 1832 của vua Minh Mệnh. Điều này chứng tỏ vùng đất Đồng Nai vào thời điểm năm 1698 đến năm 1832, đã hội đủ các điều kiện về địa lý, dân cư, lãnh thổ... để có thể trở thành một đơn vị hành chính độc lập. Lịch sử hình thành và phát triển, những thay đổi về tên gọi hành chính vùng đất Đồng Nai là phù hợp với qui luật phát triển, trải qua những thăng trầm của lịch sử, có sự thay đổi và tách nhập.

Việc xác định năm 1698 là năm truyền thống lịch sử hơn 300 năm của vùng đất Đồng Nai với tư cách là đơn vị hành chính trực thuộc chính quyền phong kiến trung ương có ý nghĩa hết sức quan trọng, không chỉ giúp cho nhiều thế hệ người dân Đồng Nai trả lời được câu hỏi tỉnh Đồng Nai, tên gọi Đồng Nai ra đời từ bao giờ? trong bối cảnh như thế nào? mà còn thêm một lần nữa khẳng định bề dày truyền thống lịch sử hào hùng, lòng tự hào về quê hương Đồng Nai anh hùng và cách mạng trong

quá trình khai phá xác lập vùng đất Nam Bộ thiêng liêng của dân tộc ta.

Trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc ta, diên cách hành chính, cương vực, vị trí địa lý tỉnh Đồng Nai, có những lúc có biến động thay đổi, cùng với sự phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam, tỉnh Đồng Nai luôn có vị trí chiến lược quan trọng, là địa danh có truyền thống lịch sử, văn hóa hào hùng, có những đóng góp to lớn mang dấu ấn lịch sử trong công cuộc đấu tranh vĩ đại của dân tộc ta. Do vậy, việc xác định năm 1698 là thời điểm thành lập tỉnh Đồng Nai có ý nghĩa quan trọng, khẳng định bề dày truyền thống lịch sử hào hùng của con người và miền đất Đồng Nai anh hùng, cách mạng, giàu truyền thống nhân văn.

Qua đó, góp phần giáo dục được truyền thống yêu nước, yêu quê hương của cán bộ và nhân dân trong tỉnh về một truyền thống vẻ vang trong dựng nước, giữ nước chống ngoại xâm của đất và người Đồng Nai. Từ trong lịch sử chống ngoại xâm, khắc phục thiên tai, xây dựng đất nước của quê hương Đồng Nai, mỗi ngọn núi, con sông trên đất Đồng Nai đều là những địa danh ghi lại những dấu tích về văn hoá, lịch sử trong tiến trình thích ứng với thiên nhiên, chống thù trong, giặc ngoài để đứng vững và phát triển. Mỗi tên đất, tên làng đều thể hiện khát vọng về một cuộc sống hoà bình, hạnh phúc bền vững của nhân dân trên mảnh đất Đồng Nai.

Tên gọi, danh xưng Đồng Nai được sử sách chép nhiều vào tháng 2 năm 1698 (Âm lịch). Như vậy, nếu tính từ khi thành lập cho đến nay (2025), tỉnh Đồng Nai đã trải qua lịch sử 327 năm hình thành và phát triển, trong lịch sử ngàn năm dựng nước giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Kiến nghị nên chọn ngày nào đó trong tháng 2 năm 1698 (Âm lịch; Dương lịch là tháng 3) *làm ngày truyền thống tỉnh Đồng Nai*. Căn cứ vào Nghị định số: 111/2018/NĐ-CP ngày 31-8-2018 của Thủ tướng Chính phủ “Quy định về ngày thành lập, ngày truyền thống, ngày hưởng ứng của các bộ, ngành, địa phương” thì: “Ngày truyền thống là ngày đánh dấu một sự kiện đáng ghi nhớ, quá trình hình thành hoặc phát triển được ghi nhận, có tính kế thừa, liên tục”.

Căn cứ vào những tư liệu, tài liệu, công trình đã khảo cứu ở trên, chúng tôi nhận thấy hiện tại chưa có một sử liệu nào chép được ngày cụ thể, theo lối chép của các sử gia phong kiến xưa, rất nhiều sự kiện chỉ xác định được năm, cùng lắm là tháng diễn ra sự kiện ấy. Các sự kiện đã cách xa chúng ta hơn 3 thế kỷ, nên càng khó khăn cho việc xác minh được một ngày chính xác.

Đôi khi, việc xác định ngày truyền thống, ngày thành lập của các Đảng bộ (thời gian gần đây dưới một thế kỷ) các tỉnh trong cả nước cũng gặp nhiều khó khăn, có những khó khăn chung do nhân tố khách quan, thời gian thành lập đã lâu, các nhân chứng không còn, các tư liệu, tài liệu thiếu thốn hoặc mất mát... Nhưng ở một số nơi cũng có những điểm chung giống nhau khi lựa chọn ngày truyền thống Đảng bộ tỉnh. Thí dụ như trường hợp tỉnh Sơn La (25), có nhiều sự kiện để xác định ngày truyền thống, nhưng sự kiện thành lập Chi bộ Nhà tù Sơn La vào tháng 12 năm 1939, là sự kiện sớm nhất. Thực tế Chi bộ nhà tù Sơn La không có đảng viên người Sơn La bị giam giữ ở đây (26). Cuối cùng tỉnh Sơn La đã chọn sự kiện thành lập Chi bộ Nhà tù Sơn La tháng 12-1939 là dấu mốc xác định ngày

truyền thống của Đảng bộ tỉnh. Đồng thời cũng đưa ra lý do “...có một đảng viên duy nhất hoạt động bên ngoài không phải là tù nhân nhà tù Sơn La (đồng chí Bế Nhật Huân). Chi bộ không đề ra nhiệm vụ phát triển đảng, trên thực tế cũng không có quần chúng nào được chi bộ kết nạp. Tuy nhiên, Chi bộ đã phát hiện và rèn luyện những quần chúng ưu tú và sau này trở thành đảng viên như đồng chí Chu Văn Thịnh...” (27). Do không xác định được ngày thành lập (28), các tài liệu cũng không ghi chép cụ thể, nên sau đó, tỉnh Sơn La đã lấy ngày 26-12-1939, là Ngày truyền thống Đảng bộ tỉnh Sơn La...

Hay như đối với tỉnh Lạng Sơn trong số nhiều sự kiện tiêu biểu có nhiều sự kiện quan trọng và có ý nghĩa, trong đó thời điểm ra đời của *Chi bộ Thụy Hùng* giữa năm 1933 (do đồng chí Hoàng Văn Thụy sáng lập và làm Bí thư), được các nhà khoa học, các nhà quản lý chọn *làm Ngày truyền thống của Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn* (29). Việc chọn và xác định lấy thời điểm ra đời của Chi bộ Thụy Hùng làm Ngày truyền thống của Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn còn có ý nghĩa tri ân, tôn vinh những đóng góp của đồng chí Hoàng Văn Thụy, đồng chí Lê Hồng Phong và các đồng chí khác... đã có công lao chỉ đạo sát sao và trực tiếp thành lập Chi bộ Đảng Thụy Hùng (huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn)...

Cuối cùng, từ những căn cứ, nguồn sử liệu nêu trên, theo chúng tôi nên chọn một ngày giữa tháng 2 (Âm lịch, ngày 15, 16, 17, 18) năm Mậu Dần (năm 1698, Dương lịch là tháng 3 năm 1698), khi chúa Nguyễn Phúc Chu sai Lễ Thành hầu, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược xứ Đồng Nai làm ngày truyền thống của tỉnh Đồng Nai.

CHÚ THÍCH

(1). Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, bản dịch Viện Sử học, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006, tr.46.

(2). Viện Sử học đã chủ trì, phối hợp, xác định... giúp cho nhiều tỉnh, thành phố, huyện trên cả nước xác định danh xưng, thời điểm ra đời thành lập, đổi tên, tỉnh/huyện đó, như: *Xác định giúp Sơn La thành lập tỉnh năm 1895* (năm 2005); *Danh xưng Nghi Lộc* (tổ chức năm 2009); *Xác định thời điểm thành lập tỉnh Tuyên Quang* (2012); *Danh xưng Thanh Hóa*, 990 năm (1029-2019), nhiều lần tổ chức vào năm 2010, 2011 và 2017; *Vai trò của Nhà nước Đại Cồ Việt trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam*, nhân dịp Kỷ niệm 1050 vua Đinh Tiên Hoàng lên ngôi và Kinh đô Hoa Lư; *Danh xưng Thanh Chương* (tổ chức năm 2020); *Danh xưng Nghệ An*, 990 năm (1030-2020); *Danh xưng Quảng Nam*, 550 năm (1471-2021), tổ chức (tháng 12-2021); *Danh xưng Tương Dương* (tổ chức ngày 12-01-2022)...

(3). Tỉnh Thanh Hóa có tới 3 lần tổ chức hội thảo: Lần thứ nhất “*Bàn về sự ra đời của danh xưng Thanh Hóa*” diễn ra vào tháng 10 năm 2010; lần thứ hai được tổ chức vào tháng 11 năm 2011 với chủ đề “*Thanh Hóa - đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương khởi đầu và diễn biến*”, trong đó các nhà nghiên cứu đưa ra nhiều niên đại khác nhau xuất hiện *danh xưng Thanh Hóa*, 3 niên đại được đề cập nhiều nhất là năm 1029, năm 1082 và năm 1111; lần thứ ba ngày 23-5-2017 với chủ đề “*Về danh xưng Thanh Hóa*”, tại Hội thảo này đã quyết định lấy năm 1029 là năm xuất hiện *danh xưng Thanh Hóa*... (Xem thêm: *Danh xưng Thanh Hóa*, tái bản lần thứ nhất, Nxb. Thanh Hóa, 2019, tr.42).

(4). Nói về *danh xưng Nghệ An*, từ Hội thảo “*975 năm danh xưng Nghệ An*”, được tổ chức năm 2005, các ý kiến của các nhà khoa học, sử học về cơ bản thống nhất lấy năm 1030 làm mốc ra đời sớm nhất *danh xưng Nghệ An*. Ngoài ra, cũng có ý kiến, tư liệu lịch sử cho rằng mốc năm 1036 mới là năm có tên gọi *danh xưng Nghệ An*. Có một số ý kiến cho là năm 1029.

(5). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, bản dịch Viện Sử học, sdd, tr.39.

(6). Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2005, tr.215.

(7). Trần Quốc Vượng, *Việt Nam cái nhìn địa - văn hóa*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 1998, tr.478.

(8). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.75.

(9). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, bản dịch Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr.91.

(10). Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, sdd, tr.40.

(11). *Di dân của người Việt từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX*, tr.99-100. Dẫn theo Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên), *Vùng đất Nam Bộ*, tập IV, từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr. 42.

(12). Xem thêm: Phan Huy Lê (chủ biên), *Vùng đất Nam Bộ quá trình hình thành và phát triển* (xuất bản lần thứ hai), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr.471.

(13). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, sdd, tr.109.

(14). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, bản dịch Viện Sử học, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007, tr.442-443.

(15). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, sdd, tr.39.

(16). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, sdd, tr.39.

(17). *Lịch sử Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và phong trào thanh niên tỉnh Đồng Nai 1930-2000*, Nxb. Đồng Nai, 2003, tr.21.

(18). Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên), *Vùng đất Nam Bộ*, tập IV, từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX, sdd, tr.55.

(19). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam chính biên liệt truyện*, nhất tập (quyển đầu -

quyển 25), bản dịch Viện Sử học, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1997, tr.117.

(20). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, sdd, tr.111.

(21). Sử chép: Năm Canh Thìn (1700) mùa Xuân, Hữu Kính đến nơi, bày trận ở Ngự Khê, đắp lũy Hoa Phong, sai người xem tình hình hư thực, chia đường tiến đánh đến sát lũy Bích Đô (Gò Biếc) phủ Nam Vang. Nặc Thu đón đánh. Hữu Kính mặc nhung phục, đứng đầu thuyền, đốc thúc chư quân đánh gấp. Nặc Thu sợ chạy. Nặc Yên ra hàng. Hữu Kính vào thành vỗ yên nhân dân. Nặc Thu cũng đến cửa quan xin hàng, Hữu Kính với lòng thành thực vỗ về yên ủi. Cho Nặc Thu về thành La Bích chiêu tập dân xiêu. Còn mình dẫn quân về bãi Sao Mộc, báo tin thắng trận. Gặp mưa to gió lớn, núi Lao Đồi ở trước bãi bị sạt lở. Hữu Kính đêm mộng thấy thần nhân bảo rằng: “*Tướng quân nên về sớm, chử ở lâu đây không lợi*”. Hữu Kính cười, rằng: “*Mệnh ta ở trời, há ở đất này đâu*”. Thúc dấy thân thể nhọc mệt. Nhân ngày tết Đoan ngo, Hữu Kính gượng ốm, cùng uống rượu mua vui với các tướng tá, thỉnh linh thổ ra một cục máu, Hữu Kính lấy tay áo che đi, không để cho mọi người biết để yên lòng quân. Đến lúc ốm nặng Hữu Kính than rằng: “*Ta muốn nối chí ông cha, hết sức báo nước, ngặt vì số trời có hạn. Chử há phải sức người làm được đâu?*” Dem dẫn quân về đến Rạch Gầm Hữu Kính chết, thọ 51 tuổi (Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam chính biên liệt truyện*, nhất tập, từ quyển đầu - quyển 25, sdd, tr.118).

(22). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, sdd, tr.40.

(23). Thái Văn Kiểm, *Đất việt trời nam*, Nxb. Nguồn sống, Sài Gòn, 1960, tr.450.

(24). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, sdd, tr.122.

(25). Khi xác định ngày truyền thống Đảng bộ tỉnh Sơn La, có tới 5 sự kiện có liên quan có thể xem xét để xác định ngày truyền thống Đảng bộ tỉnh Sơn La, cụ thể: + *Sự kiện thứ nhất*: thành lập Chi bộ Nhà tù Sơn La vào tháng 12 năm 1939; +

Sự kiện thứ hai: thành lập Chi bộ tháng 10 năm 1946 ở Hát Lót, huyện Mai Sơn; + *Sự kiện thứ ba*: thành lập Ban Tỉnh ủy tháng 12 năm 1947; + *Sự kiện thứ tư*: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ Nhất từ ngày 20-3 đến ngày 2-4-1951; + *Sự kiện thứ năm*: thành lập Đảng bộ tỉnh Sơn La năm 1963.

(26). Đảng viên đầu tiên là đồng chí Chu Văn Thịnh, Tổ trưởng Tổ thanh niên cứu quốc Sơn La được Chi bộ giác ngộ và thoát ly hoạt động cách mạng, được kết nạp Đảng năm 1943. Chu Văn Thịnh là người đảng viên đầu tiên, hoạt động ở bên ngoài nhà tù Sơn La, là người địa phương, trực tiếp liên hệ với nhà tù, nối liền quan hệ giữa Chi bộ với cơ sở cách mạng bên ngoài... Xem thêm: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sơn La, *Chi bộ nhà tù Sơn La - Giá trị lịch sử và hiện thực*, in trong: “*Chi bộ Nhà tù Sơn La - Giá trị lịch sử và hiện thực*”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học nhân kỷ niệm 80 năm thành lập Chi bộ nhà tù Sơn La (12/1939 - 12/2019), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

(27). Xem thêm: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy Sơn La, *Hội thảo khoa học xác định ngày truyền thống Đảng bộ tỉnh Sơn La*, (tài liệu phục vụ hội thảo), ngày 26 tháng 3 năm 2021, tr.10.

(28). Thời gian thành lập Chi bộ Nhà tù Sơn La được xác định là tháng 12 năm 1939, không xác định được ngày cụ thể, nhiều cuốn sách lịch sử Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện đã xuất bản, phát hành đều ghi chung chung là tháng 12 năm 1939; Một số cuốn sách *Tinh thần Tô Hiệu*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, tái bản lần thứ 4, Hà Nội, 2018, tr.36, Đại tướng Văn Tiến Dũng viết: “*Chi bộ đảng lâm thời đầu tiên được bí mật thành lập cuối tháng 12-1939*”. Căn cứ vào những tư liệu đã sưu tầm được và đã công bố, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sơn La đề xuất lấy ngày 26-12-1939 là Ngày truyền thống Đảng bộ tỉnh Sơn La.

(29). Xem thêm: Tỉnh ủy Lạng Sơn, Viện Lịch sử Đảng, *Xác định ngày truyền thống, ngày thành lập của Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn*, tháng 12-2022.